***KẾ HOẠCH BÀI DẠY***

**TUẦN 9** Thứ Hai ngày 04 tháng 11 năm 2024

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

CHỦ ĐỀ 1: LÀM VIỆC KHOA HỌC

SINH HOẠT DƯỚI CỜ: NỀ NẾP SINH HOẠT HÀNG NGÀY

......................................................................

TIẾNG VIỆT

**Tiết 1 - ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm được các văn bản được học; bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc.

- Hiểu nội dung bài đọc. Bước đầu biết tóm tắt văn vản, nêu được chủ đề của văn vản.

- Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dạng, điệu bộ, hành động,.. thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật.

- Nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao yêu thích văn bản, ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng.

- Phân biệt được danh từ chung và danh từ riêng.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc., biết yêu quý bạn bè, biết hòa quyện, thống nhất trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi, hoặc tổ chức cho học sinh múa hát ….. để khởi động bài học.  ……  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi, nội dung bài hát… để khởi động vào bài mới. | | - HS tham gia trò chơi  + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi.  - HS lắng nghe.  - Học sinh thực hiện. |
| **2. Luỵện tập.** | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Nói tên các bài đã học.**  **Hs chơi Đố bạn: Đoán tên bài đọc( theo nhóm tổ 4-6 bạn)**  Dựa vào mỗi đoạn trích dưới đây, nói tên bài đọc.  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV cho HS cá nhân đọc kĩ các đoạn trích để nói tên bài đọc.  GV cho làm việc nhóm: thảo luận nhóm, theo yêu cầu:  + Quan sát và đọc nội dung từng tranh?  + Tìm tên bài đọc tương ứng với mỗi tranh? | - Hs lắng nghe cách đọc.  - 2 HS đọc nội dung các tranh.  - Các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả trước lớp: Lần lượt từng em đọc khố thơ, lời của nhân vật và tên bài đọc tương ứng.  Cả nhóm nhận xét, góp ý  Tranh 1. Điều kì diệu  Tranh 2. Thi nhạc  Tranh 3. Thằn lằn xanh và tắc kè  Tranh 4. Đò ngang  Tranh 5. Nghệ sĩ trống  Tranh 6. Công chúa và người dẫn chuyện | |
| **2.2. Hoạt động 2:** Nêu ngắn gọn nội dung của 1 – 2 bài đọc dưới đây:  - GV cho HS làm việc cá nhân:  + Đọc thầm và nhớ  + Nói điều em thích nhất về bài đọc đó.   * GV cho HS đọc bài trước lớp. * GV và HS nhận xét, tuyên dương bạn đọc to, rõ.   + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia nêu phần trả lời tóm tắt trước lớp.  + GV nhận xét tuyên dương | - HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và tên các bài đọc (đã cho), chuẩn bị câu trả lời (có thể viết ra vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, nếu có).  - HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm/ trước lớp:  + Một số em phát biểu ý kiến, cả nhóm/ lớp  + Chọn ra những ý kiến tóm tắt phù họp để ghi lại.  + ***Tiếng nói của cỏ cây***: Ta-nhi-a đã di chuyển khóm hoa hồng và khóm hoa huệ đến vị trí khác. Nhờ vậy mà cây đã biến đổi trở nên đẹp vượt trội và nở nhiều hoa hơn.  + ***Tập làm văn***: Cuối tuần, ba cho nhân vật tôi về quê để tìm ý cho bài văn “Tả cây hoa nhà em”.  +***Nhà phát minh 6 tuổi***: Ma-ri-a là một cô bé rất thích quan sát. Chình vì vậy khi nhìn thấy điều lạ về sự chuyển động và đứng yên của tách trà, cô bé đã ngay lập tức đi làm thí nghiệm và hiểu ra. Nhờ vậy, cô được bố khen là giáo sư đời thứ 7 của gia tộc.  *+* ***Con vẹt xanh****:* Câu chuyện kể về quá trình làm bạn vói con vẹt xanh của một bạn nhỏ tên là Tú...  *+* ***Chân trời cuối phố****:* Câu chuyên kể về những khám phá, trải nghiệm của một chú chó nhỏ về thế giới bên ngoài cánh cổng. ..  ***+ Trước ngày xa quê:*** Câu chuyên kể về cuộc chia tay đầy lưu luyến của một bạn nhỏ vói thầy giáo và những người bạn. Đó là những trải nghiệm về tình cảm, cảm xúc, về tinh yêu đối với quê hương vả những ngưòi thân thương.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau. | |
| **2.3. Hoạt động 3 Đọc lại một bài đọc trong chủ điểm *Mỗi người một vẻ* hoặc *Trải nghiệm và khám phá,* nêu chi tiết hoặc nhân vật em nhớ nhất.**  HS làm việc nhóm:  + Tùng em chọn đọc 1 bài đọc, nêu chi tiêt hoặc nhân vật trong bài mà minh nhớ nhất (hoặc yêu thích nhất).  + Cả nhóm nhận xét và góp ý.  - G V quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét/ cho điểm.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS nêu nội dung bài. | -HS đọc lại một bài đọc, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe.  - HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.  Ví dụ:  Nhân vật Ma-ri-a là một cô bé rất thông minh và tinh tường khi có thể hiểu và tự mình làm một thí nghiệm khi mới 6 tuổi. Cô có lòng ham học hỏi, mong muốn khám phá những điều mới mẻ trong cuộc sống. | |
| **2.4. Hoạt động 4 Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong các câu ca dao để xếp vào nhóm thích hợp nêu trong bảng.**  - GV gọi Hs đọc yêu cầu trước lớp.  - GV cho HS làm việc nhóm 4:  Gợi ý thế nào là danh từ chung  +Thế nào là danh từ riêng  Chọn 2 – 3 từ em tìm được ở bài tập 4  - HS trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Gv củng cố về từ loại, cụn từ, từ, danh từ chung, danh từ riêng | -Hs đọc kĩ các câu ca dao, tìm các danh từ chung, danh từ riêng và xếp vào nhóm thích hợp.  +Danh từ chung: danh từ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên.  + Danh từ riêng: tên người, tên địa lí  Học sinh thảo luận nhóm 4  Hòan thành bài tập | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi tìm và viết đúng chính tả danh từ chung, danh từ riêng  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**:                                  KHOA HỌC**

**CHỦ ĐỀ 2: NĂNG LƯỢNG**

**Bài 8: ÁNH SÁNG TRONG ĐỜI SỐNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được việc nên làm và việc không nên làm để phòng tránh tác hại do ánh sáng gây ra đối với mắt.

- Thực hiện được tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết phù hợp để bảo vệ mắt, tránh bị cận thị.

- Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện trải nghiệm để kiểm chứng vai trò của ánh sáng đối với cuộc sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng vai trò của ánh sáng để thực hiện một số vấn đề quan trọng trong đời sống hằng ngày.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để năm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**\* CSM : Bài 1**: Đôi mắt và cách chăm sóc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** |  | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV HD cho HS chơi trò chơi **“Bịt mắt đoán tên đồ vật”**  - Mời đại diện các tổ lên tham gia trò chơi  + Kết thúc trò chơi GV đặt câu hỏi:  + Những bạn bịt mắt cảm thấy thế nào?  + Các bạn bịt mắt có dễ dàng nhận biết được đồ vật không? Tại sao?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | - HS điều khiển các bạn chơi trò chơi  - Đại diện các tổ lên tham gia trò chơi  + Thấy tối, không nhìn thấy gì xung quanh.  + Không dễ dàng nhận biết được tên các đồ vật vì thiếu ánh sáng.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Hoạt động khám phá***:* | | |
| **2) Phòng tránh một số tác hại do ánh sáng gây ra đối với mắt.**  **Hoạt động 3: Tìm hiểu một số việc nên và không nên làm để phòng tránh tác hại do ánh sáng gây ra đối với mắt. (sinh hoạt nhóm 4)**  - GV mời HS nêu yêu cầu: Quan sát tranh 3 – 8 cho biết các bạn trong tranh đang làm gì rồi xếp chúng vào 2 nhóm cho phù hợp.  - GV mời các nhóm thảo luận  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.    - GV hỏi thêm  + Vì sao việc làm của bạn ở hình 3, 6 , 7, 8 lại gây hại cho mắt?  - GV nhận xét chung, kết luận: Việc tiếp xúc thường xuyên và liên tục trong thời gian dài với ánh sáng xanh từ màn hình các thiết bị điện thoại, máy tính,...sẽ gây hại cho mắt như mỏi mắt, khô mắt, nhìn mờ,... | | - Các nhóm thảo luận và ghi kết quả vào phiếu.  - Các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, nhóm khác nhận xét.   |  |  | | --- | --- | | Những việc làm không gây hại cho mắt | Những việc làm gây hại cho mắt | | Hình 4, 5 | Hình 3, 6, 7, 8 |   - HS giao lưu đặt câu hỏi và mời bạn trả lời trả lời theo suy nghĩ của mình.  - 2 - 3 HS nhắc lại kết luận |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết để bảo vệ mắt. (sinh hoạt nhóm 2)**  - GV yêu cầu: Quan sát hình 9,10 ở SGK và trả lời câu hỏi:   + Tư thế và vị trí ngồi của bạn nào trong các hình không tốt cho mắt, có thể dẫn tới cận thị? Vì sao?  + Nêu một số biện pháp để có đủ ánh sáng dùng cho các em học tập ở lớp.  - GV hỏi thêm: Nêu một số biện pháp để có đủ ánh sáng dùng cho sinh hoạt hằng ngày của gia đình em.  - GV nhận xét kết luận:  **\* Không để ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt.**  **\* Không đọc và viết dưới ánh sáng yếu hoặc quá mạnh. Khi đọc và viết cần ngồi đúng tư thế và tránh để bị sấp bóng. Không nhìn quá lâu vào màn hình điện thoại, máy tính, ti vi. Tránh xem ti vi, điện thoại nơi thiếu ánh sáng hoặc trong bóng tối.** | | - HS nêu yêu cầu  - HS làm việc cá nhân  - HS chia sẻ trong nhóm đôi  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp  + Tư thế và vị trí ngồi của bạn trong hình 9 không tốt cho mắt, có thể dẫn tới cận thị. Vì bạn ngồi quay lưng vào bóng đèn, ngồi viết lưng cúi, khoảng cách giữa mắt và vở hơi gần.  - HS thực hành ngồi học đúng tư thế.  + Mở các cửa sổ, kéo các rèm cửa lên, bật thêm bóng điện, lắp thêm các bóng điện cho hợp lí,...  - Cá nhân trả lời theo suy nghĩ của mình.  - Lắng nghe, nhận xét ý kiến của bạn  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập***:* | | |
| **Hoạt động 5: Xác định những việc bản thân nên làm và không nên làm để bảo vệ mắt (sinh hoạt cá nhân)**      Lập bảng nên làm và không nên làm để bảo vệ đôi mắt.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên việc làm | Nên làm | Không nên làm | |  |  |  | |  |  |  |   - GV mời 1 HS đọc yêu cầu.  - GV mời cả lớp làm việc và ghi kết quả vào phiếu học tập.  - GV mời cá nhân chia sẻ kết quả.    - GV nhận xét tuyên dương.  - GV mời lớp trưởng điều hành phần giao lưu  **\* CSM : Bài 1**: Đôi mắt và cách chăm sóc  - GV nhận xét tuyên dương. | **-** 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân, ghi nội dung vào phiếu học tập.  - HS chia sẻ kết quả trước lớp  - HS giao lưu: (1HS hỏi – 1 HS trả lời)  + Hãy cho biết góc học tập ở nhà bạn đã đủ ánh sáng chưa?  + Nếu chưa đủ bạn sẽ làm gì để góc học tập của bạn đủ ánh sáng.  - HS lắng nghe | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Làm hay không làm”  - HD cách chơi: + Quản trò lần lượt đưa ra một số việc làm có hại hoặc không có hại cho mắt. Mỗi lần đưa ra cả lớp đồng thanh hô to “làm” hoặc “không làm”. Sau 2 phút, trò chơi kết thúc. Những bạn hô sai sẽ lên múa, hát trước lớp.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.  - HS tham gia trò chơi | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

Bài 18: MI – LI – MÉT VUÔNG ( T3)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Biết tên gọi, kí hiệu, độ lớn của mi-li-mét vuông, biết quan hệ giữa mi-li-mét vuông  
 - Củng cố kĩ năng: về tên gọi, kí hiệu, mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích và cách chuyển đổi các số đo diện tích từ đơn vị này sang đơn vị khác.  
 ***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Nêu tên các đơn vị đo diện tích đã học?  + Câu 2: Em hãy nêu cách viết tắt của các đơn vị đo diện tích trên?  + Câu 3: Mỗi đơn vị đo diện tích liền kề hơn kém nhau bao nhiêu lần?  + Câu 4: Em hãy sắp xếp các đơn vị đo diện tích trên theo thứ tự từ bé tới lớn?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS: chúng ta đã học các đơn vị đo diện tích là: Xăng – ti – mét vuông, Đề - xi – mét vuông, Mét vuông.  + Đơn vị đo diện tích là: Xăng – ti – mét vuông viết tắt là cm2, Đề - xi – mét vuông viết tắt là dm2, Mét vuông viết tắt là m2  + 100 lần  + m2, dm2, cm2  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:** | |
| **\* Tìm hiểu tình huống:**  - GV đưa tình huống (PP)  ? Tranh vẽ gì?  ? Bạn nhỏ nói gì với rô-bốt?  ? Để đo những vật có kích thước nhỏ ta dùng đơn vị đo nào?  ? Bạn nhỏ muốn làm cửa cho tổ kiến thì phải làm như thế nào?  - GV: Để làm được cửa cho tổ kiến với kích cỡ như thế nào cho vừa cô sẽ có yêu cầu sau:  + Vẽ 1 hình vuông có cạnh là 1cm? Tính diện tích của hình vuông đó?  + Chia hình vuông đó thành các ô vuông có cạnh là 1mm?  - GV đánh giá nhận xét, đưa lên PP  ? Em chia được bao nhiêu ô vuông có cạnh là 1mm?  ? Diện tích của 1 ô vuông nhỏ là bao nhiêu mm2?  => GV kết luận: *Đây chính là kích thước thực tế của mi – li – mét vuông.*  ? 1cm2 = …mm2?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 tìm hiểu cách đọc, viết đơn vị  ? Mi – li – mét vuông được đọc, viết tắt như thế nào?  ? 100 mm2 = …… cm2?  ? Em hãy so sánh đơn vị đo diện tích mi – li – mét vuông với cách đơn vị đo diện tích đã học?  ? Mỗi đơn vị đo liền kề nhau hơn kém nhau bao nhiêu lần?  - GV kết luận đưa ra ghi nhớ. | - HS đọc thầm tình huống.  - HS nêu  - HS đọc hội thoại  - Xăng – ti – mét  - Mi – li – mét  - HS suy nghĩ, nêu  - HS thảo luận, đưa ra đáp án  - HS vẽ hình vuông có cạnh là 1cm. Diện tích của hình vuông có cạnh là 1cm là 1 cm2  - HS thao tác chia  - HS quan sát hình vuông có cạnh 1mm  - Em chia hình vuông có cạnh là 1cm thành 100 hình vuông có cạnh là 1mm.  - Diện tích của 1 ô vuông nhỏ là 1mm2  - 1cm2 = 100 mm2  - HS thảo luận, đưa ra kết luận  + Đọc: Mi – li – mét vuông  + Viết: mm2  - 100 mm2  = 1 cm2  - Mi – li – mét vuông là đơn vị đo diện tích nhỏ nhất trong các đơn vị đo diện tích em đã học.  - 100 lần  - HS đọc lại |
| **3. Hoạt động:** | |
| **Bài 1: Hoàn thàng bảng: (Làm cá nhân/ PBT)**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập  - GV hướng dẫn học sinh làm phiếu bài tập kết hợp nhóm 2  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào PBT  - GV quan sát giúp đỡ HS còn lúng túng  - Mời HS chia sẻ, HS khác nhận xét, bổ sung  ? Hai trăm linh tư mi – li – mét – vuông được viết như thế nào?  ? Số 2 040 mm2 có cách đọc là gì?  ? Bài tập 1 củng cố cho chúng ta kiến thức gì?  - GV nhận xét, chốt đáp án, tuyên dương HS.  **Bài 2: Số? (Làm cá nhân – nhóm 2)**  - Yêu cầu HS đọc thầm, nêu yêu cầu bài  - Yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở, trao đổi nhóm 2  - GV quan sát giúp đỡ HS còn lúng túng  ? Mỗi đơn vị đo liền kề nhau hơn kém nhau bao nhiêu lần?  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 3: Chọn câu trả lời đúng: (Trò chơi: Rung chuông vàng)**  ? Đọc thầm, nêu yêu cầu bài 3?  - GV tổ chức trò chơi Rung chuông vàng để chữa bà    - HS suy nghĩ, làm bài cá nhân, ghi kết quả vào bảng con.  ? Vì sao em chọn đáp án B?  - GV chốt đáp án, nhận xét, tuyên dương. | - HS nêu yêu cầu  - HS làm bài theo yêu cầu vào PBT  - HS chia sẻ bài, soi bài  + Đọc: Hai trăm linh tư mi – li – mét – vuông  Viết: 204 mm2  + Đọc: Hai nghìn không trăm bốn mươi mi – li – mét vuông  Viết: 2 040 mm2  + Đọc: Mười nghìn mi – li – mét vuông  Viết: 10 000 mm2  - 204 mm2  - Hai nghìn không trăm bốn mươi mi – li – mét vuông  - Cách đọc, viết đơn vị đo mi – li – mét vuông  - HS đọc thầm, nêu yêu cầu  - HS làm bài cá nhân vào vở, trao đổi nhóm 2  - HS chia sẻ bài, soi bài  a) 1cm2 = 100 mm2  2 cm2 = 200 mm2  200 mm2 = 2 cm2  b) 1cm2 30 mm2 = 130 mm2  8cm2 5 mm2 = 805 mm2  7 cm2 14 mm2 = 714 mm2  - 100 lần  - HS đọc  - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi, chọn đáp án ghi vào bảng con  - Vì một nhãn vở có chiều dài khoảng 5cm, chiều rộng khoảng 3cm nên diện tích nhãn vở là: 5 x 3 = 15cm2  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi: *Ai thông minh hơn?* để củng cố kiến thức bài học  + Câu 1: Đọc, viết lại đơn vị Mi - li – mét vuông?  + Câu 2: 1 dm2 = …….. mm2  A. 10 B. 100 C. 1 000  + Câu 3: ? (>;<;=): 5 cm2 27 mm2  …. 5027 mm2  A. < B. > C. =  - GV tổng kết trò chơi. Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

Chiều

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 58 : ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I-TIẾT 2**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nghe- Viết đúng chính tả,đúng kích cỡ chữ , trình bày sạch đẹp đoạn viết

- Nhận biết được quy tắc viết hoa tên riêng của địa danh nước ta.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: viết văn , thư… trình bày đúng chính tả, rõ ràng sạch đẹp.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập , cố gắng luyện tập

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài học.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi, hoặc tổ chức cho học sinh múa hát ….. để khởi động bài học.  ……  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi, nội dung bài hát… để khởi động vào bài mới. | | - HS tham gia trò chơi  + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi.  - HS lắng nghe.  - Học sinh thực hiện. |
| **2. Luỵện tập.**  - Mục tiêu: Nghe viết đúng chính tả, trình bày đẹp bài chính tả  - Cách tiến hành: | | |
| - G V nêu yêu cầu nghe - viết.  **Đi máy bay Hà Nội – Điện Biên**  Từ trên máy bay nhìn xuống, phố xá Hà Nội nhỏ xinh như mô hình triển lãm... Những ruộng, những gò đống, bãi bờ với những màu xanh, nâu, vàng, trắng và nhiều hình dạng khác nhau gợi ra những bức tranh giàu màu sắc. Núi Thầy, rồi núi Ba Vì, sông Đà, dãy núi Hoà Bình,... triền miên một dải miền tây ẩn hiện dưới làn mây lúc dày lúc mỏng.  (Theo Trần Lê Văn)  - G V đọc 1 lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.  - G V hướng dẫn HS đọc thầm lại toàn đoạn để nắm được:  - Những danh từ riêng có trong đoạn để viết hoa cho đứng quy tắc.  - G V đọc tên bài, đọc từng câu/ đọc lại từng vế câu/ cụm từ cho HS viết vào vở.  - G V đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đỗi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.  - G V hướng dẫn chữa một sổ bài trên lóp, nhận xét, động viên khen ngợi các em. | -Học sinh đọc đoạn viết  -Học sinh tìm và nêu nội dung đoạn viết: Miêu tả vẻ đẹp của Hà Nội nhìn từ trên cao.  -HS tìm từ khó dễ viết sai   * HS luyện viết tiếng khó, chữ viết hoa.   - HS tìm và nêu, luyện viết các chữ hoa  Những chữ đầu mỗi câu cấn viết hoa  + Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dể viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.  + Cách trình bày một đoạn văn.  -HS nghe Viết bài vào vở  -Học sinh soát lỗi  - Hs sửa lỗi | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi tìm và viết đúng chính tả danh từ chung, danh từ riêng  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**ĐẠO ĐỨC**

**THỰC HÀNH KĨ NĂNG GIỮA HỌC KỲ 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh củng cố các chuẩn mực hành vi đạo đức đã học qua 3 bài học trước.

- Có kĩ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực trong các tình huống đơn giản trong tực tế cuộc sống.

**2. Năng lực chung.**

-Năng lực: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, phát triển bản thân, điều chỉnh hành vi đạo đức.

- Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Yêu mến, kính trọng, biết ơn người lao động.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để nắm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức múa hát bài “Cháu yêu cô chú công nhân”  + GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát : Bạn nhỏ có tình cảm thế nào với cô chú công nhân?  + GV hỏi thêm: Lớn lên em sẽ làm gì?  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điều bài hát.  - HS trả lời.  - HS trả lời theo suy nghĩ và ước mơ của mình.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động luyện tập** | | |
| ***Hoạt Động 1: Hệ thống kiến thức đã học (13’)***  - Yêu cầu HS nhắc lại tên các bài đã học.  - Yêu cầu lớp tạo nhóm 4, thảo luận trả lời các câu hỏi:  *+ Người lao động có những đóng góp gì cho cuộc sống của chúng ta?*  *+ Vì sao chúng ta cần biết ơn người lao động?*  *+ Nêu những việc cần làm để thể hiện lòng biết ơn người lao động.*  *+ Kể tên những biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn.*  *+ Vì sao cần cảm thông, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn?*  *+ Kể về người có hoàn cảnh khó khăn mà em biết.*  *+ Nêu một số biểu hiện của người yêu lao động.*  - GV yêu cầu HS thảo luận.  - GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả  - GV mời HS nhận xét nhóm bạn  - Giáo viên nhận xét, kết luận.  ***HĐ2: Sắm vai xử lí tình huống (12’)***  - GV chiếu tình huống trên màn hình, cho HS suy nghĩ, tạo nhóm để thảo luận, đóng vai xử lý các tình huống trước lớp.  1. Bố mẹ cho em tiền ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn nhưng bạn rủ em dùng tiền chơi điện tử.  2. Gia đình Hoa rất khó khăn, me bạn bị bệnh hiểm nghèo. lớp em tổ chức đi thăm, tặng quà, động viện Hoa nhưng một số bạn trong lớp không muốn tham gia.  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 và giải quyết tình huống.  - GV cho HS đóng sắm vai các tình huống  - GV mời HS các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét và tuyên dương. | | - Nhắc lại tên các bài học:  - HS tạo nhóm, bầu nhóm trưởng.  - Các nhóm thảo luận, trình bày trong nhóm, thống nhất đáp án.  - Một số nhóm báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe  - HS suy nghĩ, thảo luận, sắm vai để xử lý tình huống.  - Tình huống 1: Từ chối, không làm theo bạn và dùng số tiền đó để ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn.  - Tình huống 2: Khuyên các bạn tham gia chia sẻ, động viên bạn Hoa, giúp bạn vượt qua hoàn cảnh khó khăn để tiếp tục tới trường hoc tập.  - HS thảo luận nhóm  - HS lên sắm vai  - HS nhận xét nhóm bạn  - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - Tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Sóc nhặt hạt dẻ***” để ôn lại về các nội dung 3 bài đã học.  - GV cho HS đọc và trả lời câu hỏi của mình trong các hạt dẻ:  + Bạn đã làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với người lao động?  + Có khi nào bạn chứng kiến những lời nói, việc làm chưa biết ơn người lao động?  + Bạn có suy nghĩ gì về điều đó?  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS học tích cực.  - GV nhận xét tiết học. | - HS tham gia chơi.  - 1HS chọn câu hỏi và trả lời.  - 3-5 HS trả lời theo suy nghĩ của bản thân | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

Thứ Ba ngày 05 tháng 11năm 2024

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

Bài 18: LUYỆN TẬP ( T4)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Giúp HS củng cố kĩ năng chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích (mm2, cm2, dm2, m2).

- Giải quyết được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tế liên quan đến đo diện tích.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

- Phát triển năng lực tư duy về không gian thông qua việc ước lượng diện tích, độ to nhỏ của đồ vật, không gian.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Viết số đo sau: Năm trăm bốn mươi sáu đề-xi-mét vuông.  + Câu 2: So sánh: 370 dm2 … 56 m2  + Câu 3: Đ/S?: Để đo diện tích của những vật có kích thước nhỏ, người ta có thể dùng đơn vị: cm2?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 546 dm2  + 370 dm2 < 56 m2  + Sai. (người ta có thể dùng đơn vị: mm2)  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** | |
| **Bài 1. Chọn câu trả lời đúng? (Làm việc cá nhân)**  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng và kết hợp bảng con:    - GV có thể yêu cầu HS vẽ hình minh hoạ để tìm được chiều dài, chiều rộng của tấm pin rồi tính diện tích tấm pin đó. Sau đó chuyển đổi số đo diện tích của từng tấm pin từ đơn vị mét vuông sang các đơn vị đo diện tích khác để tìm câu trả lời đúng.  ? Vì sao em chọn đáp án B?  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: Dưới đây là hình vẽ phòng khách nhà Mai, Việt và Nam. Biết diện tích phòng khách nhà Mai bằng diện tích phòng khách nhà Việt. Hỏi hình nào là hình vẽ phòng khách nhà Nam? (Làm việc nhóm 2)**  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm vào PBT.  - GV cho HS suy nghĩ làm cá nhân sau đó trao đổi trong nhóm 2, thống nhất kết quả.  - Đổi PBT soát theo nhóm bàn, trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV gọi các nhóm HS trình bày, chia sẻ:  ? Nêu diện tích từng phòng?  ? Hình nào là hình vẽ phòng khách nhà Nam?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: Mặt sàn căn phòng của Nam có dạng hình vuông cạnh 3 m. Bố của Nam dự định lát sàn căn phòng bằng các tấm gỗ hình chữ nhật có chiều dài 5 dm và chiều rộng 1 dm. Hỏi bố cần dùng bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn căn phòng đó? (Làm việc cá nhân-nhóm 4)**  - GV cho HS làm cá nhân sau đó trao đổi trong nhóm 4.  - Cả lớp làm bài vào vở  - GV mời 1 HS nêu cách làm  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét.  ? Muốn biết cần dùng bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn căn phòng đó ta làm thế nào?  ? Diện tích 1 tấm gỗ hình chữ nhật lát sàn là bao nhiêu?  ? Cần dùng bao nhiêu tấm gỗ để lát kín sàn căn phòng đó?  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 4. Trò chơi: Đường đua số đo: (Chơi theo nhóm)**  - GV chia nhóm để tham gia chơi, hoàn thành bài tập.  - GV cho HS thảo luận cách chơi  - GV HD chơi: Giải thích các bước phải đi lại nếu thực hành điền số sai.  - GV cho HS chơi và quan sát các nhóm chơi  - GV tuyên dương nhóm hoàn thành xong trước và thực hành đúng yêu cầu  - GV nhận xét tuyên dương. | - 1 HS nêu yêu cầu bài  - HS nghe GV hướng dẫn, suy nghĩ cá nhân  - HS lần lượt làm bảng con kết hợp nêu miệng cách làm  + Đáp án: B  + HS giải thích cách làm  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu yêu cầu  - HS thực hiện nhóm 2  - HS đổi PBT, soát, nhận xét.  - Các nhóm trình bày, chia sẻ  - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu yêu cầu bài  - HS thực hiện nhóm 4  - HS làm vào vở  - HS trình bày, chia sẻ cách làm.  - Tính diện tích 1 tấm gỗ rồi tính diện tích căn phòng, chia cho diện tích 1 tấm gỗ  - 5 dm2  - 180 tấm gỗ (9 m2 – 900 dm2. Lấy 900 dm2 : 5 dm2 = 180 tấm gỗ)  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS nêu yêu cầu  - HS đọc HD chơi và thảo luận luật chơi theo nhóm 2.  - HS thực hành chơi theo nhóm 2  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh biết chuyển đổi và tính toán với các số đo diện tích (mm2, cm2, dm2, m2),...  - Ví dụ: Một bể bơi có chiều rộng là 2m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Vậy diện tích bể bơi đó là?  A. 6 m2 B. 60 m2 C. 12 m2  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**Sử - Địa**

**BÀI 5: ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Sử dụng tư liệu lịch sử và văn hoá dân gian, trình bày được những nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

- Kể lại được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng lược đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết kể được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Trả lời một số câu hỏi, kể một số câu chuyện thời Hùng Vương, thể hiện sự sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tự hào về truyền thống của dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong tìm hiểu về Lịch sử và Địa lí.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**\* GDKNS:** Có ý thức giữ gìn, bảo tồn di sản của cha ông để lại, khi tham gia lễ hội cần giữ gìn vệ sinh chung.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV: Cho HS nghe bài hát “Nòi Giống Rồng Tiên”  - GV: Từ xa xưa trong dân gian đã lưu truyền  nhiều truyền thuyết về thời Hùng Vương. Các  em có biết các truyền thuyết đó không.  Chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học ngày hôm  nay **Đền Hùng và lễ giỗ tổ Hùng Vương**  **(T3)** | | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập** | | |
| **Hoạt động 4: Truyền thuyết thời Hùng Vương**  **\* Kể lại một số truyền thuyết thời Hùng Vương  (làm việc nhóm)**  - GV mời HS đọc thông tin, yc quan sát các hình trong SGK.  - GV chia nhóm (nhóm 4,5 HS) mỗi nhóm chọn 1 câu chuyện truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương ( bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên một trong hai câu chuyện) để kể lại cho các bạn trong lớp (khuyến  khích đóng vai các nhân vật hoặc trình vày sáng tạo)  - GV gọi đại diện hoặc cả nhóm lên trình bày  - GV nhận xét tuyên dương.  **\* GDKNS**: Có ý thức giữ gìn, bảo tồn di sản của cha ông để lại, khi tham gia lễ hội cần giữ gìn vệ sinh chung. | | - 2 HS đọc thông tin  - HS làm việc nhóm và kể câu chuyện    - HS lắng nghe, nhận xét và chấm điểm bằng phiếu chấm |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV nêu nhiệm vụ: Ngoài những câu chuyện đã học trong bài, hãy kể những truyền thuyết có liên quan tới thời đại Hùng Vương mà các em biết  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS kể những câu chuyện cho các bạn trong lớp nghe. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 59 : ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I-TIẾT 3**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc theo ngữ điệu phù hợp với các bài đọc. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. Hiểu nội dung bài đọc. vật trong văn bản.

-Nhận biết được câu chủ đề trong đoạn văn cho trước .

-Nhận biết được và tìm được động từ trong đoạn văn.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: biết đóng góp ý kiến trong quá trình trao đồi.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc., biết yêu quý bạn bè, biết hòa quyện, thống nhất trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi, hoặc tổ chức cho học sinh múa hát ….. để khởi động bài học.  ……  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi, nội dung bài hát… để khởi động vào bài mới. | | - HS tham gia trò chơi  + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi.  - HS lắng nghe.  - Học sinh thực hiện. |
| **2. Luỵện tập.**  - Mục tiêu: Đọc đúng và đọc diễn cảm các trích đoạn bài đọc, làm đúng hoàn thiện các bài tập theo yêu cầu  - Cách tiến hành: | | |
| **2.1. Hoạt động 1:** Dựa vào từng gợi ý dưới đây, nói tên bài thơ và tên tác giả. Đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ em thuộc.  **Hs chơi Đố bạn:Đoán tên bài đọc( theo nhóm 2 bạn)**  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV cho HS cá nhân đọc kĩ các đoạn trích để nói tên bài đọc.  GV cho làm việc nhóm: thảo luận nhóm, theo yêu cầu:  + Quan sát và đọc nội dung từng hình?  + Tìm tên bài đọc tương ứng với mỗi hình? | - Hs đọc yêu cầu bài rập.  - 2 HS đọc dựa vào gợi ý và trả lời câu hỏi.  Bước 1: Nói tên bài thơ và tên tác giả.  + HS đọc thầm yêu cầu của bài tập 1.  + Mỗi em đọc 1 gọi ỷ rồi nói tên bài thơ, tên tác giả.  - Bước 2: Đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ (tự lựa chọn).  + 1 em đọc 1 đoạn (hoặc cả. bài).  + 1 em mở sách đế theo dõi, nhận xét và góp ý (sau đó đổi vai).  - Các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả trước lớp:  1. Gặt chữ trên non  2. Bầu trời trong quả trứng  \_HS đọc thuộc một đoạn thơ hoặc bài thơ.  Lần lượt từng em đọc khố thơ, lời của nhân vật và tên bài đọc tương ứng.  Cả nhóm nhận xét, góp ý | |
| **2.2. Hoạt động 2:** Tìm câu chủ đề trong từng đoạn( SHS trang 71) dưới đây:  a. Biển động. Gió thét trên những rừng dương. Sóng đập dữ dội vào mạn thuyền. Cây cột buồm rít lên, lá cờ đuôi nheo bay phần phật. Mưa cắt ngang mặt những tia nước lạnh. Bãi cát vật vã với nước, với sóng.  (Trần Nhật Thu)  b. Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long, Bãi Cháy hoặc Tuần Châu,... ta có cảm giác như đi trước cửa gió. Ngọn gió lúc êm ả như ru, lúc phần phật như quạt, mang cái trong lành, cái tươi mát của đại dương vào đất liền. Trong tiếng gió thổi, ta nghe tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ, tiếng ve ran và cả tiếng máy, tiếng xe, tiếng cần trục từ trên các tầng thang, bến cảng vọng lại.  (Theo Thi Sảnh)  c. Chuồn chuồn ngô mặc áo kẻ ca-rô đen vàng thích phơi mình ngoài nắng, trên ngọn chuối hoặc bờ ao. Chuồn chuồn ớt với bộ cánh đỏ rực hoặc vàng tươi, suốt ngày la cà hết chỗ này sang chỗ khác. Chuồn chuồn nước thích soi gương, ưa đứng im trên cọng khoai ngứa bên bờ ao ngắm bóng mình in dưới nước,... ẻo lả và xinh xắn hơn cả là các bé chuồn kim, cả thân hình chỉ nhỉnh hơn chiếc kim khâu... Ngần ấy loại chuồn chuồn cũng đủ cho chúng tôi mê tơi trong suốt mùa hè.   (Theo Trần Đức Tiến)  - GV cho HS làm việc cá nhân:   * GV cho HS đọc bài trước lớp.   - GV và HS nhận xét, tuyên dương bạn đọc to, rõ.  -Gv cho học sinh làm nhóm 4 trao đổi tìm câu chủ đề và chia sẻ trước lớp.  + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia nêu phần trả lời tóm tắt trước lớp.  + GV nhận xét tuyên dương | - HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và tên các bài đọc (đã cho), đọc kĩ các đoạn văn để tìm câu chủ đề.  Bước 1: Tỉm câu chủ đề trong đoạn văn a.  + Đọc thầm yêu cầu và đoạn văn thứ nhất.  + Từng em suy nghĩ, tìm câu chủ đề của đoạn rồi nêu câu trả lời.  + Cả nhóm bàn luận đê thồng nhât câu trả lời.  - HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm/ trước lớp:  Bước ,3 tìm phần b,c tương tự như phần a    + Một số em phát biểu ý kiến, cả nhóm/ lớp  a. Biển động.  b. Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long, Bãi Cháy hoặc Tuần Châu,... ta có cảm giác như đi trước cửa gió.  c. Ngần ấy loại chuồn chuồn cũng đủ cho chúng tôi mê tơi trong suốt mùa hè.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau. | |
| **2.3. Hoạt động 3** Tìm các động từ trong một đoạn văn (a, b hoặc c) ở bài tập 2.  -Cho HS làm việc cá nhân  -Cho HS làm việc nhóm:  + Từng em chọn đọc 1 phần, nêu đáp án  + Cả nhóm nhận xét và góp ý.  - G V quan sát HS các nhóm, G V và HS thống nhất đáp án,ghi nhận xét/ cho điểm.  - GV nhận xét, tuyên dương | -HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và tìm động từ trong 1 đoạn văn minh chọn (có thể viết động từ tìm được vào vở ô li hoặc vở bài tập, nếu có).  -- HS làm việc nhóm:  + Lấn lượt từng em nêu các động từ tỉm được.  a. Biển **động**. Gió **thét** trên những rừng dương. Sóng **đập** dữ dội vào mạn thuyền. Cây cột buồm **rít** lên, lá cờ đuôi nheo **bay** phần phật. Mưa **cắt** ngang mặt những tia nước lạnh. Bãi cát **vật vã** với nước, với sóng.   Đáp án tìm b,c tương tự  b: đi, đi, mang, thối, nghe, reo, vỗ, vọng;  c: mặc, thích, phoi, soi (gưong), đứng, ngắm, mê toi.  + Cả nhóm nhận xét, góp ý. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi tìm và viết đúng động từ và đặt câutheo mẫu gợi ý  Ai làn gì ở đâu – vào lúc nào?thái độ làm việc như thế nào?...  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy. | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

Thứ Tư ngày 06 tháng 11 năm 2024

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 60 : ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I-TIẾT 4**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

-Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc, kể chuyện có nội dung gắn với các chủ điểm được học; viết được đoạn vãn nêu ý kiến

- Biết vận dụng đặt câu, viết đoạn văn có dùng động từ( vận dụng viết được đoạn văn nêu ý kiến theo chủ đề và sử dụng động từ hợp lý).

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: viết đoạn văn nói về cảnh đẹp quê hương.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, cố gắng luyện viết văn đung chủđề , câu văn hay giàu hình ảnh.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài học và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài học., biết yêu quý bạn bè, biết hòa đồng trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi, hoặc tổ chức cho học sinh múa hát ….. để khởi động bài học.  ……  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi, nội dung bài hát… để khởi động vào bài mới. | | - HS tham gia trò chơi  + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi.  - HS lắng nghe.  - Học sinh thực hiện. |
| **2. Luỵện tập.**  - Mục tiêu: Đọc đúng và đọc diễn cảm các trích đoạn bài đọc,phát triển từ thành câu văn, đoạn văn, làm đúng hoàn thiện các bài tập theo yêu cầu  - Cách tiến hành: | | |
| **2.1. Hoạt động 1 (Dùng phương pháp khăn trải bàn)**Tìm thêm 2 – 3 động từ thích hợp với mỗi sự vật dưới đây:  - GV gọi Hs đọc yêu cầu trước lớp.  - GV cho HS làm việc nhóm 4 hoặc 4:  Gợi ý thế nào là động từ  Chọn 2 – 3 từ em tìm được ở bài tập 4  - HS trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  Gv củng cố về từ loại, cụm động từ động từ  **2.2. Hoạt động2**  **Viết đoạn văn (4 -5 câu) theo chủ đề tự chọn, có chứa động từ ờ bài tập 4**  - G V G V có thể gợi ý cách làm, VD: Các em có thể viết về sự vật ở 1 nhóm và sử dụng một số động từ tìm được ở nhóm đó.  - G V hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, chú ý nhận xét các em sử dụng động từ có phù hợp chưa,động viên khen ngợi các em làm tốt . | -Hs đọc kĩ các câu ca dao, tìm các danh từ chung, danh từ riêng và xếp vào nhóm thích hợp.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Học sinh | Ong | Cá | Cây | Thuyền | | Chào | Bay | Bơi | Mọc | Trôi | | Đi học trao đổi, học, hỏi, trả lới, suy nghĩ,... | Chích làm tỗ, hút mật, chui, đậu,... | Búng quẫy, nhảy, thở, ăn, đớp (mồi), nhìn,... | Lớn nở, đổ, phát triển, kết (trái), đâm choi,... | Lướt, cập (bến), đậu, dừng, lật, đẵm, chìm, trôi,... |   Học sinh thảo luận nhóm 4 hoặc 5  Hòan thành bài tập  -HS đọc yêu cầu bài tập và Viết bài vào vở  Buổi sáng mai, khung cảnh quê em thật đẹp. Từng tốp học sinh **tung tăng đi học**. Hai bên đường, đàn ong đã bắt đầu **bay** đi **tìm** mật. Xa xa, trên dòng sông, những con thuyền đang hối hả **lướt** nhanh trên mặt nước.  HS làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp: Từng em/ một số em đọc đoạn văn đã viết. Học sinh chia sẻ bài trước lớp | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi tìm và viết đúng động từ và đặt câu theo mẫu gợi ý  Ai làm gì ở đâu – vào lúc nào?thái độ làm việc như thế nào?...  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy. | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

---------------------------------------------------------

**TIẾNG VIỆT**

**Tiết 61 : ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I-TIẾT 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

-Vận dụng viết tóm tắt câu chuyện theo nội dung tranh và lời kể dưới tranh cho trước

-Vận dụng viết mở bài, kết bài cho câu chuyện theo ý kiến của mình sau khi tóm tắt câu chuyện.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống: biết đóng góp ý kiến trong quá trình trao đổi.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, cố gắng luyện tập viết văn nêu ý kiến

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài đọc., biết yêu quý bạn bè, biết chan hòa, thống nhất trong tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức trò chơi, hoặc tổ chức cho học sinh múa hát ….. để khởi động bài học.  ……  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng tranh minh họa hoặc dựa vào trò chơi, nội dung bài hát… để khởi động vào bài mới. | | - HS tham gia trò chơi  + Đọc các đoạn trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi.  - HS lắng nghe.  - Học sinh thực hiện. |
| **2. Luỵện tập.** | | |
| **2.1. Hoạt động 1:** Đọc lời thoại dưới tranh rồi tóm tắt câu chuyện.  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: quan sát tranh, đọc lời dưới tranh, nhận biết việc xảy ra có liên quan tới các nhân vật trong tranh và tóm tắt câu chuyện (sao cho ngằn gọn hơn mà vẫn thể hiện được nội dung chính của câu chuyện).  GV cho làm việc nhóm: thảo luận nhóm, theo yêu cầu:  + Quan sát và đọc nội dung từng tranh?  + Đọc lời thoại và tóm tắt nội dung theo ý kiến riêng? | - Hs đọc yêu cầu bài tập.  - Hs đọc kĩ nội dung câu chuyện và tóm tắt.  -HS quan sát các nhân vật trong tranh và tóm tắt câu chuyện (sao cho ngắn gọn hơn mà vẫn thể hiện được nội dung chính của câu chuyện).  - HS làm việc theo hướng dẫn của GV, sau đó tập tóm tắt câu chuyện  - Các nhóm thảo luận và báo cáo kết quả trước lớp:  ***Đến tuổi trưởng thành, Bam-bi được mẹ cho sống tự lập. Khi mẹ đi mất, Bam-bi hoang hốt kêu gọi mẹ vang rừng.*** ***Nai bố xuất hiện nghiêm nghị động viên Bam -bi***. ***Bam-bi cảm thây yên tâm, nó thây tương lai của minh qưa bóng dáng của bố***.***Nhờ sự khích lệ của nai bố mà Bam-bi đã có quyết tâm tự lập. Nhiều năm sau, Bam-bi ngày nào đã trở thành một chàng nai thông minh, dũng cảm như bố.***  \_HS đọc câu chuyện sau khi tóm tắt  Cả nhóm nhận xét, góp ý | |
| **2.2. Hoạt động 2:** Viết mở bài hoặc kết bài cho câu chuyện Nai con Bam-bi theo ý em.  - GV cho HS làm việc cá nhân:   * GV cho HS đọc bài trước lớp.   - GV và HS nhận xét, tuyên dương bạn nói to, rõ ràng.  -Gv cho học sinh viết bài  -Gv cho học sinh làm nhóm 4 trao đổi chọn viết và sửa để giúp nhau viết được đoạn hay nhất  + GV tổ chức cho mỗi nhóm cử đại diện tham gia trình bày đoạn viết trước lớp.  + GV nhận xét tuyên dương | - HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và HS làm việc cá nhân. chọn viêt mở bài hoặc kết bài.  Bước 1: chọn đọan viết  + Đọc thầm lại nội dung chuyện  + Từng em suy nghĩ, tìm chọn đoạn viết mở bài hay kết bài  + Học sinh viết bài  Bước 2:  + Cả nhóm bàn luận đê thồng nhất đoạn chọn viết  - HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm/ trước lớp:  Trao đổi trong nhóm bài viết của mình,nhóm chỉnh sửa cho nhau  Bước 3:  + Một số em phát biểu ý kiến, cả nhóm/ lớp  Mỗi người đều có một thời điểm cảm thấy bấp bênh, thiếu quyết tâm, thiếu định hướng. Em cũng đã một thời điểm như vậy. Nhưng may mắn thay, vào thời điểm đấy, em đã được truyền động lực để cố gắng nhờ một câu chuyện rất hay. Đó chính là câu chuyện Nai con Bam-bi.   - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau. | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh thi kể , nói giới thiệu đặc điểm hay tính cách của người thân của mình  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy. | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Một số HS tham gia thi đọc thuộc lòng. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 4: MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

GIÂY, THẾ KỈ

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Giúp HS làm quen với các đơn vị giây và thế kỉ.

- Giải quyết được việc chuyển đổi và tính toán với đơn vị thời gian đã học.

- Giải quyết được bài toán thực tế liên quan đến đơn vị thời gian.

- Phát triển năng lựcgiao tiếp,năng lực tư duy và năng lực tự giải quyết vấn đề.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Viết số đo sau: Ba trăm sáu mươi sáu đề-xi-mét vuông.  + Câu 2: Điền số: 27 m2 … dm2  + Câu 3: Điền dấu >,<,=?: 123 dm2 …. 20m2  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 366 dm2  + Trả lời: 270 dm2  + 123 dm2 < 20m2  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:** | |
| **2. 1. Làm việc nhóm**  - GV đưa tranh yêu cầu HS thảo luận nhóm 2:  ? Trong bức tranh có những nhân vật nào?  ? Đọc lại nội dung hội thoại bức tranh?  ? Que diêm cháy được trong mấy giây?  ? Cây thông nói đã sống được bao lâu?  ? Một thế kỉ bằng bao nhiêu năm?  - GV nhận xét, tuyên dương.  **- GV giới thiệu:** *Giây và thế kỉ là đơn vị đo thời gian, trong đó giây là đơn vị bé hơn phút, còn thế kỉ thì lớn hơn năm. Để đo những quãng thời gian bé hơn phút thì ta thường dùng đơn vị là giây; để đo những quãng thời gian lớn hơn năm thì ta có thể dùng đơn vị là thế kỉ.*  **2. 2 Tìm hiểu đơn vị giây.**  - GV đưa đồng hồ có kim giây. Yêu cầu học sinh quan sát:  ? Khi kim phút chạy được 1 phút thì kim giây chạy được bao nhiêu giây?  ? Vậy 1 phút bằng bao nhiêu giây?  ? 1 giờ bằng bao nhiêu phút?  - GV đưa màn hình:    **2. 2 Tìm hiểu đơn vị thế kỉ.**  ? Ông, bà của các em năm nay bao nhiêu tuổi?  ? Vậy tuổi của ông, bà có độ dài bằng 1 thế kỉ không?  ? 1 thế kỉ bằng bao nhiêu năm?    ? Năm bắt đầu và kết thúc của thế kỉ thứ I kéo dài từ năm nào đến năm nào?  ? Thế kỉ thứ II được bắt đầu và kết thúc từ năm nào đến năm nào?  ………………………………………  **- GV giới thiệu:** *Các năm được đánh số để dễ phân biệt và thế kỉ cũng vậy. Chúng ta thường dùng chữ số La Mã để đánh số cho thế kỉ.*  GV đưa lên màn hình.  - Từ năm 1 đến 100 là thế kỉ thứ nhất (Thế kỉ I)  - Từ năm 101 đến năm 200 là thế kỉ thứ hai (Thế kỉ II)  ....  - Từ năm 2001 đến năm 2100 là thế kỉ thứ hai mươi mốt (Thế kỉ XXI) | - 1 HS nêu yêu cầu thảo luận.  - Từng nhóm chia sẻ.  Dự kiến: Trong bức tranh có những nhân vật bạn nhỏ,Rô- Bốt…. .  - Que diêm cháy được trong 8 giây.  - Cây thông nói đã sống được một thế kỉ.  - Một thế kỉ bằng một trăm năm.  - HS quan sát  - Khi kim phút chạy được 1 phút thì kim giây chạy được 60 giây.  - 1 phút bằng 60 giây.  - 1 giờ bằng 60 phút.  - Học sinh đọc lại.  - Trả lời: 60 tuổi, 70 tuổi….  - Trả lời: Không bằng.  - 1 thế kỉ bằng 100 năm  - Học sinh đọc lại.  - Kéo dài từ năm 1 đến 100.  - Kéo dài từ năm 101 đến 200.  - Học sinh đọc lại. |
| **3. Hoạt động:** | |
| **Bài 1: Điền số? (Làm cá nhân vào PBT)**  ? Bài 1 yêu cầu gì?  - GV soi bài.  ? Để điền được 3 phút = 180 giây em làm như thế nào?  ? Vì sao em điền 180 giây = 3 phút.?  ? Vì sao em điền 400 năm = 4 thế kỉ?  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 2:** **Nối? (Làm cá nhân - Nhóm 2)**  ? Bài 2 yêu cầu gì?  - GV chia nhóm 2  - GV cho HS suy nghĩ làm cá nhân sau đó trao đổi trong nhóm 2, thống nhất kết quả.  - GV gọi các nhóm HS trình bày, chia sẻ:  ? Vì sao em nối Trần Hưng Đạo sinh năm 1228 với ô ghi thế kỉ XIII?  ? Trong các năm sinh của các nhân vật lịch sử đã cho thì năm sinh nào thuộc thế kỉ X?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV đưa thông tin về bốn nhân vật lịch sử: ***Trần Hưng Đạo*** *là người tham gia ba lần kháng chiến chống quân Mông Nguyên và là vị tướng lãnh đạo trong kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần 2 và lần 3.* ***Nguyễn Trãi*** *là người đã tham gia cuộc khởi nghĩa chống quân Minh.* ***Phan Bội Châu*** *là danh sĩ hoạt động chống thực dân Pháp.* ***Đinh Bộ Lĩnh*** *dẹp loạn 12 sứ quân và là người đầu tiên xưng danh hiệu Hoàng đế trong lịch sử dân tộc ta.*  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  **Bài 3: (Làm việc cá nhân - Nhóm 4)**  - GV cho HS làm cá nhân sau đó trao đổi trong nhóm 4.  - GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng  - Mời HS chia sẻ bài  - Mời các nhóm khác nhận xét, chia sẻ  ? Để xác định được năm Canh Tý tiếp theo em đã làm như thế nào?  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS đọc thầm yêu cầu.  - Trả lời: điền số.  - HS làm phiếu bài tập.  - HS chia sẻ bài tập.  - Trả lời: 60 giây x 3 = 180 giây  - Trả lời: em dựa vào phép đổi trên…  - HS đọc thầm yêu cầu.  - Trả lời: Nối cặp năm sinh và thế kỉ cho phù hợp.  - HS làm cá nhân.  - HS thảo luận nhóm 2.  - Trả lời: Em tính thế kỉ XIII kéo dài từ năm 1201 đến năm 1300 nên năm 1228 thuộc thế kỉ thứ XIII  - Năm sinh của Đinh Bộ Lĩnh thuộc thế kỉ thứ X  - HS lắng nghe  - HS đọc và nêu yêu cầu.  - HS thực hiện nhóm 4  - HS trình bày, chia sẻ cách làm.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Em thực hiện phép cộng 1900 + 60 từ đó xác định thế kỉ cho năm đó. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi *Ai nhanh ai đúng* sau bài học để học sinh biết chuyển đổi và tính toán với các số đo thời gian (giờ, phút, giây, năm, thế kỉ,…)  Câu 1: Điền số? 60 giây = …phút  A. 2 phút B. 1 phút C. 6 phút  Câu 2: Chọn Đúng hoặc Sai:  300 năm = 3 thế kỉ  Câu 3: Năm 938 thuộc thế kỉ thứ ….  A. IX B. VIII C. XX  - GV tổng kết trò chơi. Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tham gia chơi, ghi kết quả vào bảng con.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**HĐTN**

**CHỦ ĐỀ: LÀM VIỆC KHOA HỌC**

**Sinh hoạt theo chủ đề: MỘT NGÀY CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Biết sắp xếp các công việc của bản thân trong ngày một cách hợp lí

- Biết quý trọng thời gian và sử dụng thời gian cho các hoạt động trong ngày một cách có khoa học.

- Xây dựng được thời gian biểu khoa học cho các hoạt động trong ngày.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự sắp xếp các công việc của bản thân trong ngày một cách hợp lí, khoa học.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng bạn và lắng nghe trong tham gia hợp tác nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ để thực hiện tốt các hoạt động học tập

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập

\* Tích hợp Bác Hồ và những bài học về đạo đức Bài 1: Bác kiểm tra nội bộ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**-** Tivi

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Giấy, bút, thước kẻ, bút màu, keo, hồ dán,…..

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:** | | |
| - GV tổ chức múa hát bài “ Chị ong nâu và em bé” – Nhạc và lời Tân Huyền để khởi động bài học.  - GV Cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát và các hoạt động múa, hát mà các bạn thể hiện trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới. | | - Một số HS lên trước lớp thực hiện. Cả lớp cùng múa hát theo nhịp điệu bài hát.  - HS chia sẻ nhận xét về các bạn thể hiện múa hát trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***:* | | |
| **Hoạt động 1: Sử dụng thời gian hợp lí (Làm việc nhóm, tổ)**  - GV chia lớp thành các nhóm  - GV tổ chức cho HS quan sát hình minh hoạ trong SGK trang 28. Các nhóm thảo luận về việc sử dụng thời gian cho các hoạt động trong ngày của 3 bạn trong hình theo những câu hỏi gợi ý :  + Các bạn trong hình đã thực hiện những công việc gì trong một ngày?  + Các công việc đó được thực hiện vào giờ nào trong ngày?  + Hoạt động của bạn nào đã sử dụng thời gian một cách hợp lí?  + Có những sự khác biệt nào giữa thời gian biểu hoạt động của các bạn trong hình với thời gian biểu hoạt động trong ngày của em?  -GV mời các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận  -***GV nhận xét, kết luận:***  Mỗi một người trong chúng ta đều cần thực hiện các công việc và hoạt động khác nhau trong một ngày. Việc sử dụng thời gian cho các công việc trong ngày một cách hợp lí sẽ giúp cho cuộc sống của chúng ta ngăn nắp, trực tự và khoa học. | | - HS chia nhóm theo hướng dẫn của GV.  - HS thảo luận nhóm  - Các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận  - Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung và đóng góp ý kiến.  - HS lắng nghe |
| **3. Luyện tập.** | | |
| **\* Hoạt động 2: Xây dựng thời gian biểu hoạt động hàng ngày (làm việc cá nhân)**  **-** GV cho HS quan sát lược đồ gợi ý trong SGK trang 29 và nhận xét lược đồ.  - GV phổ biến yêu cầu: HS xây dựng thời gian biểu cho các hoạt động trong ngày của mình.  - GV hướng dẫn cụ thể như sau:  + Liệt kê những hoạt động cần thực hiện trong ngày.  + Viết tên hoạt động vào các khung thời gian trên lược đồ dòng thời gian  + Vẽ thêm đồng hồ xác định thời gian thực hiện tương ứng cho các hoạt động trong ngày  + Trang trí cho lược đồ dòng thời gian thêm sinh động.  - GV cho HS chia sẻ thời gian biểu của mình với các bạn  - GV mời 2 đến 4 HS giới thiệu thời gian biểu trước lớp.  . \* Tích hợp Bác Hồ và những bài học về đạo đức Bài 1: Bác kiểm tra nội bộ | -HS quan sát  -HS lắng nghe  -HS chú ý cách làm  -HS chia sẻ với bạn  -HS giới thiệu trước lớp  -HS nhận xét, góp | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV dặn HS về nhà thực hiện các công việc hàng ngày đã xây dựng theo kế hoạch và viết vào nhật kí thực hiện các công việc hàng ngày  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS về nhà thực hiện các hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng và viết vào nhật kí.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

Thứ Năm ngày 07 tháng 11 năm 2024

**TOÁN**

**MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG**

GIÂY, THẾ KỈ

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Giúp HS làm quen với các đơn vị giây và thế kỉ.

- Giải quyết được việc chuyển đổi và tính toán với đơn vị thời gian đã học.

- Giải quyết được bài toán thực tế liên quan đến đơn vị thời gian.

- Phát triển năng lựcgiao tiếp,năng lực tư duy và năng lực tự giải quyết vấn đề.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 5 phút = ? giây  + Câu 2: 240 giây = ? phút  + Câu 3: Các em sinh năm 2014, năm đó thuộc thế kỉ nào?  + Câu 4: Lê Lợi lên ngôi vua năm 1428, năm đó thuộc thế kỉ nào?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  300 giây  4 phút  Thế kỉ XXI  Thế kỉ XV  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập:** | |
| Bài 1. Số? (Làm việc cá nhân)  - GV hướng dẫn học sinh bảng con:  a. 5 ngày = ? giờ 2 tuần = ? ngày  4 giờ 10 phút = ? phút  b. 2 giờ = ? phút 28 ngày = ? tuần  2 phút 11 giây = ? giây  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: (Làm việc nhóm 2)  - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV chia nhóm 2, HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu học sinh xác định được năm và xem năm đó thuộc thế kỉ nào khi biết một năm khác và khoảng cách giữa hai năm đó.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV cung cấp thêm thông tin cho HS: Khi mới thành lập vùng đất Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ chí Minh) được gọi là phủ Gia Định. GV cho HS quan sát một số hình ảnh về thành phố Sài Gòn – Gia Định ngày xưa kèm theo thông tin năm hoặc thế kỉ (những bức vẽ, ảnh chụp người Pháp thế kỉ XIX)  Bài 3: Chọn thời gian thích hợp cho mỗi trường hợp (Làm việc theo nhóm hoặc thi Ai nhanh, ai đúng)  - GV chia nhóm hoặc thi để hoàn thành bài  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương.  - GV có thể yêu cầu HS về nhà hãy thử chạy 100 m xem mình đạt thành tích là bao nhiêu giây.  Bài 4. (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài  - GV mời 1 HS nêu cách làm:  - Cả lớp làm bài vào vở, 1 HS làm bảng phụ.  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận, xét tuyên dương.  - GV lưu ý: Số liệu về thời gian khai thác, số chuyến bay trong bài được mô phỏng theo số lượng thực tế của các máy bay thương mại đường dài. Thực tế, số lượng chuyến bay mỗi chiếc máy bay thực hiện được có thể còn lớn hơn số lượng trong bài.  Bài 5. (Làm việc nhóm 2)  - GV chia nhóm 2, HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  - Mời các nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. GV nhận xét tuyên dương. | - HS lần lượt làm bảng con  a. 5 ngày = 120 giờ 2 tuần = 14 ngày  4 giờ 10 phút = 250 phút  b. 2 giờ = 120 phút 28 ngày = 7 tuần  2 phút 11 giây = 131 giây  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - 1 nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.  + Thành phố Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ chí Minh) được thành lập năm 1698 thuộc thế kỉ XVII.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS quan sát.  - HS làm việc theo yêu cầu.  - Kết quả:  + Nam chạy 100m -> 20 giây  + Thời gian chuyến bay Hà Nội – Đà Nẵng -> 1 giờ  + Tuổi của cây gỗ đỏ -> 78 năm  - HS nhận xét, lắng nghe, rút kinh nghiệm  - HS lắng nghe yêu cầu.  - HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài.  - 1 HS trình bày cách làm: Đầu tiên, tính số năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2001 đến hết năm 2009. Tiếp theo tính tổng số chuyến bay.  - HS làm việc theo yêu cầu  Bài giải  Số năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2001 đến hết năm 2009 là:  2009 – 2001 = 8 (năm)  Số chuyến bay máy bay đã thực hiện trong 8 năm là:  400 x 8 = 3200 (chuyến bay)  Đáp số: 3200 chuyến bay  - HS nhận xét bài bạn  - HS làm việc theo yêu cầu  a. Thế kỉ XXI có 24 năm nhuận  b. Năm cuối cùng của thế kỉ XX là một năm nhuận. Năm đó là năm 1998.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi Đố bạn sau bài học để học sinh củng cố về chuyển đổi và tính toán với đơn vị đo thời gian đã học  - Ví dụ: HS 1: 5 ngày = ? giờ, sau đó đố 1 HS khác bất kì, HS trả lời đúng sẽ được quyền đố HS khác. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I ( TIẾT 6 – 7 )**

**KIỂM TRA ĐỌC- VIẾT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc và hiểu , trả lời đúng bài tập.

- Viết đúng bài chính tả theo hình thức nghe – viết , trong khoảng 15 phút.

- Viết được đoạn văn kể về một ngày ở trường của em hoặc nêu cảm nghĩ của em về một người bạn.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua bài thơ.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bà và những người thân qua bài thơ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV cho học sinh hát đầu giờ  - GV dẫn dắt vào bài mới |  |
| **2.1. Hoạt động 1: Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.**  Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.  **CON CHIM CHIỀN CHIỆN**  **(Trích)**  + Đọc thầm câu hỏi  + Tìm câu thơ chứa nội dung trả lời.   * GV cho HS trả lời câu hỏi trước lớp.   1. Những từ ngữ nào cho thấy chim chiền chiện bay lượn giữa không gian cao rộng?  2. Tiếng hót của chim chiền chiện được miêu tả qua những câu thơ nào? Nêu cảm nghĩ của em về tiếng chim chiền chiện trong bài thơ. | - HS đọc yêu cầu của bài.  1Những từ ngữ nào cho thấy chim chiền chiện bay lượn giữa không gian cao rộng là: Bay vút, vút cao/ Cánh đập trời xanh/ Cao hoài, cao vợi/ Bay cao, cao vút / Chim biến mất rồi  2- Tiếng hót của chim chiền chiện được miêu tả qua những câu thơ: Tiếng hót long lanh/ Như cành sương chói/Tiếng ngọc trong veo/ Chỉ còn tiếng hót/ Làm xanh da trời....  - Cảm nghĩ của em về tiếng chim chiền chiện trong bài thơ: Tiếng chim chiền chiện |
| **2.2. Hoạt động 2: Đọc hiểu**  **-** GV yêu cầu HS nhắc lại các bước đọc hiểu |  |
| **TRAI NGỌC VÀ HẢI QUỲ**  Cá mực tung tăng đi học trong làn nước biển xanh biếc, cái lọ mực kè kè một bên.  – Bé mực đi đâu đấy? – Cô trai he hé cái vỏ sần sùi ra hỏi.  – Thưa cô, cháu đi học ạ!  Cá mực lễ phép trả lời rồi vội vã bơi đi, nó hơi sợ khi nhìn thấy vỏ ngoài của cô trai. Cá mực bơi nhanh đến một bông hoa nhiều màu sắc bên kia lối đi. Bông hoa có nhiều cánh hồng hồng, tím tím, mềm mại như gọi chào. Cá mực đến gần hơn, những cánh hoa mừng rỡ múa mãi lên. Chợt tiếng cô trai gọi giật lại:  – Bé mực, không được đến gần nó, nguy hiểm đấy!  Cá mực ngập ngừng, không biết nên tin ai. Vừa lúc đó, một chú cá cơm bé tí bơi đến đùa nghịch với những cánh hoa mềm mại đang toả ra quây lấy chú. Cô trai lớn tiếng gọi cá cơm, nhưng không kịp, những ngón tay hoa đã khép lại. Cá mực định ném lọ mực vào bông hoa để mực loang ra, cá cơm có thể chạy trốn. Nhưng cá cơm đã bị những cánh hoa thít chặt lấy và kéo tuột vào lòng bông hoa. Thế là mất hút chú cá cơm.  Cá mực sợ hãi, chạy lại gần cô trai. Lúc này cô trai mở to miệng nhìn cảnh tượng vừa xảy ra. Cá mực kinh ngạc thấy trong lòng cô trai có một viên ngọc sáng đẹp lạ thường.  Cô trai căn dặn:  – Bông hoa đẹp để thế kia nhưng rất dữ. Đó là hải quỳ. Cháu phải tránh xa. Bé mực cảm động. Nó định nói với cô trai: “Còn cô, bên trong tấm áo xấu xí của cô là một tấm lòng bằng ngọc..  Hoá ra, cái đẹp bên ngoài chưa hẳn là cái tốt, cái xấu bên ngoài chưa hẳn là cái xấu.  (Theo Vân Long) | |
| **Câu 1**  Cá mực mang gì đi học? Tìm câu trả lời đúng.  A. Nước biển xanh biếc.  C. Một cái lọ mực.  B. Những bông hoa đẹp.  D. Nhiều đồ dùng học tập.  **Câu 2**  Khi gặp cô trai, vì sao cá mực lễ phép trả lời rồi vội vã bơi đi? Tìm câu trả lời đúng.  A. Vì cá mực sợ muộn giờ học.  B. Vì cá mực hơi sợ khi nhìn thấy vỏ ngoài của cô trai.  C. Vì cá mực muốn đi ngắm bông hoa đẹp.  D. Vì cá mực muốn bơi đi gặp cá cơm.  **Câu 3**  Vì sao cá mực muốn đến gần hải quỳ? Tìm câu trả lời đúng.  A. Vì cá mực nghe thấy tiếng gọi của hải quỳ.  B. Vì hải quỳ đẹp, những cánh tay hoa mềm mại như gọi chào.  C. Vì cá mực muốn cùng cá cơm đến chơi với hải quỳ.  D. Vì cá mực muốn bơi đến gần hơn để cứu cá cơm.  **Câu 4**  Cô trai đã làm gì khi thấy cá mực và cá cơm bơi đến gần hải quỳ?  **Câu 5**  Cá mực đã hiểu ra điều gì về cô trai và hải quỳ?  **Câu 6**  Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện này?  **Câu 7**  Tìm từ có nghĩa giống với mỗi từ dưới đây và đặt câu với một từ tìm được.  **Câu 8**  Tìm động từ trong mỗi câu dưới đây:  - Cá mực lễ phép trả lời rồi vội vã bơi đi.  - Cá mực đến gần hơn, những cánh hoa mừng rỡ múa mãi lên.  - Cá mực sợ hãi, chạy lại gần cô trai.  - Bé mực cảm động. | Cá mực mang một lọ mực đi học.  Chọn C.  Khi gặp cô trai, cá mực lễ phép trả lời rồi vội vã bơi đi vì cá mực hơi sợ khi nhìn thấy vỏ ngoài của cô trai.  Chọn B.  Cá mực muốn đến gần hải quỳ vì hải quỳ đẹp, những cánh tay hoa mềm mại như gọi chào.  Chọn B.  Khi thấy cá mực và cá cơm bơi đến gần hải quỳ, cô trai đã lớn tiến gọi không được đến gần nó, rất nguy hiểm.  Cá mực đã hiểu ra bên trong tấm áo xấu xí của cô là một tấm lòng bằng ngọc. Hoá ra, cái đẹp bên ngoài chưa hẳn là cái tốt, cái xấu bên ngoài chưa hẳn là cái xấu.  Em rút ra được bài học không nên đánh giá người khác qua vẻ bề ngoài. Có những người có ngoại hình không đẹp nhưng bên trong rất tốt. Còn có những người ngoại hình đẹp nhưng lại rất xấu xa.   - Vội vã: vội vàng, hối hả,...  - Mừng rỡ: vui mừng, vui sướng,...  - Sợ hãi: sợ sệt, hoảng sợ,...  - Cảm động: xúc động,...  Ví dụ: Mỗi khi đạt được điểm cao, em rất vui sướng.  Em rất xúc động sau khi nghe câu chuyện của Huyền.   -Cá mực lễ phép **trả lời** rồi **vội vã** **bơi** đi.  - Cá mực **đến** gần hơn, những cánh hoa **mừng rỡ** **múa** mãi lên.  - Cá mực **sợ hãi**, **chạy** lại gần cô trai.  - Bé mực **cảm động.** |
| **B. Viết** | |
| **Hoạt động 1: Gv chohọc sinh viết đoạn thơ hay văn tần 70-80 tiếng**  - GV hướng dẫn cách viết bài:  - GV đọc cho HS viết.  - GV đọc lại bài cho HS soát lỗi.  - GV nhận xét chung. | - HS đọc đoạn viết  - HS lắng nghe.  - HS viết bài.  - HS nghe, soát bài. |
| **Hoạt động 2:** Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:  Đề 1: Viết bài văn thuật lại một giờ học đáng nhớ đối với em. | * HS đọc yêu cầu của bài. * HS chọn 1 đề bài |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |

Thứ Sáu ngày 09 tháng 11 năm 2024

**TIẾNG VIỆT(Tiết 45)**

LUYỆN TẬP THỰC HÀNH

**TOÁN (Tiết 45)**

SỬ DỤNG MỘT SỐ ĐƠN VỊ ĐO ĐẠI LƯỢNG (T1)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Củng cố, chuyển đổi các đơn vị đo khối lượng, diện tích và thời gian trong các tình huống thực tế.

- Biết ước lượng và tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế.

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm. Tổ chức cho học sinh làm việc an toàn.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 6 ngày = ? giờ  + Câu 2: 3 tuần = ? ngày  + Câu 3: 5 giờ 15 phút = ? phút  + Câu 4: 42 ngày = ? tuần  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  + 144 giờ  + 21 ngày  + 315 phút  + 6 tuần  - HS lắng nghe. |
| **2. Thực hành:** | |
| Bài 1. (Làm việc nhóm 2)  - Gv giới thiệu về các vật liệu dùng để làm các lớp lọc trong chai lọc nước xuất hiện trong bài.  - GV chia nhóm, yêu cầu HS quan sát, thảo luận đọc số đo cân nặng của mỗi hộp vật liệu theo ki – lô – gam.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Lưu ý: GV có thể chiếu video về cách sử dụng cân đồng hồ hoặc minh họa bằng cân đồng hồ thật. Khi minh họa, GV chọn những vật có cân nặng trên 1 yến như chồng sách, cặp sách đựng đầy sách vở,…  Bài 2: Chọn câu trả lời đúng (Làm việc nhóm 4)  - GV chia nhóm 2  - Gọi các nhóm nhận xét  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Bài 3: (Làm việc cá nhân)  - GV gọi HS đọc và nêu yêu cầu của đề bài  - GV cho HS làm cá nhân và trình bày bài vào vở.  - GV mời HS chia sẻ kết quả  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV có thể cho HS thực hành bằng cách tập căn giờ với đồng hồ bấm giờ, chẳng hạn yêu cầu HS bấm đúng 20 giây hoặc 30 giây. Với hoạt động này HS có thể thực hành theo nhóm để tự điều chỉnh và đánh giá kết quả của nhau.  Bài 4: (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài.  - GV giao việc cho HS về nhà thực hiện | - HS quan sát và lắng nghe  - HS làm việc theo yêu cầu.  - Trả lời:  a. C. 5 yến  b. Có đủ 1 tạ  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - Chia sẻ kết quả trước lớp  C. 9 dm2  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS làm việc theo yêu cầu  - HS làm bài cá nhân và trình bày bài vào vở.  - Trả lời  A. Chai A: 250 giây.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu yêu cầu của bài.  - HS lắng nghe để thực hiện |
| **3. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi Ai nhanh hơn sau bài học để học sinh củng cố về tính diện tích của bề mặt một số đồ vật trong thực tế.  - Ví dụ: - GV chia lớp thành 3 nhóm, phát cho HS những tấm bìa hình vuông với kích thước khác nhau và yêu cầu HS tính diện tích tấm bìa mình nhận được. Nhóm đúng và nhanh nhất sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Hs tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |

**KHOA HỌC**

**Bài 8: ÁNH SÁNG TRONG ĐỜI SỐNG (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nêu được việc nên làm và việc không nên làm để phòng tránh tác hại do ánh sáng gây ra đối với mắt.

- Thực hiện được tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết phù hợp để bảo vệ mắt, tránh bị cận thị.

- Biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện trải nghiệm để kiểm chứng vai trò của ánh sáng đối với cuộc sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng vai trò của ánh sáng để thực hiện một số vấn đề quan trọng trong đời sống hằng ngày.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện với bạn trong học tập và trải nghiệm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ rèn luyện để năm vững nội dung yêu cầu cần đạt của bài học.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**\* CSM : Bài 1**: Đôi mắt và cách chăm sóc

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** |  | |
| **Hoạt động 4: Tìm hiểu tư thế ngồi học, khoảng cách đọc, viết để bảo vệ mắt. (sinh hoạt nhóm 2)**  - GV yêu cầu: Quan sát hình 9,10 ở SGK và trả lời câu hỏi:   + Tư thế và vị trí ngồi của bạn nào trong các hình không tốt cho mắt, có thể dẫn tới cận thị? Vì sao?  + Nêu một số biện pháp để có đủ ánh sáng dùng cho các em học tập ở lớp.  - GV hỏi thêm: Nêu một số biện pháp để có đủ ánh sáng dùng cho sinh hoạt hằng ngày của gia đình em.  - GV nhận xét kết luận:  **\* Không để ánh sáng quá mạnh chiếu vào mắt.**  **\* Không đọc và viết dưới ánh sáng yếu hoặc quá mạnh. Khi đọc và viết cần ngồi đúng tư thế và tránh để bị sấp bóng. Không nhìn quá lâu vào màn hình điện thoại, máy tính, ti vi. Tránh xem ti vi, điện thoại nơi thiếu ánh sáng hoặc trong bóng tối.** | | - HS nêu yêu cầu  - HS làm việc cá nhân  - HS chia sẻ trong nhóm đôi  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp  + Tư thế và vị trí ngồi của bạn trong hình 9 không tốt cho mắt, có thể dẫn tới cận thị. Vì bạn ngồi quay lưng vào bóng đèn, ngồi viết lưng cúi, khoảng cách giữa mắt và vở hơi gần.  - HS thực hành ngồi học đúng tư thế.  + Mở các cửa sổ, kéo các rèm cửa lên, bật thêm bóng điện, lắp thêm các bóng điện cho hợp lí,...  - Cá nhân trả lời theo suy nghĩ của mình.  - Lắng nghe, nhận xét ý kiến của bạn  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập***:* | | |
| **Hoạt động 5: Xác định những việc bản thân nên làm và không nên làm để bảo vệ mắt (sinh hoạt cá nhân)**      Lập bảng nên làm và không nên làm để bảo vệ đôi mắt.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tên việc làm | Nên làm | Không nên làm | |  |  |  | |  |  |  |   - GV mời 1 HS đọc yêu cầu.  - GV mời cả lớp làm việc và ghi kết quả vào phiếu học tập.  - GV mời cá nhân chia sẻ kết quả.    - GV nhận xét tuyên dương.  - GV mời lớp trưởng điều hành phần giao lưu  **\* CSM : Bài 1**: Đôi mắt và cách chăm sóc  - GV nhận xét tuyên dương. | **-** 1 HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm việc cá nhân, ghi nội dung vào phiếu học tập.  - HS chia sẻ kết quả trước lớp  - HS giao lưu: (1HS hỏi – 1 HS trả lời)  + Hãy cho biết góc học tập ở nhà bạn đã đủ ánh sáng chưa?  + Nếu chưa đủ bạn sẽ làm gì để góc học tập của bạn đủ ánh sáng.  - HS lắng nghe | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | | |
| - GV tổ chức trò chơi “Làm hay không làm”  - HD cách chơi: + Quản trò lần lượt đưa ra một số việc làm có hại hoặc không có hại cho mắt. Mỗi lần đưa ra cả lớp đồng thanh hô to “làm” hoặc “không làm”. Sau 2 phút, trò chơi kết thúc. Những bạn hô sai sẽ lên múa, hát trước lớp.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu trò chơi.  - HS tham gia trò chơi | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | |

**Chiều**

**SỬ- ĐỊA**

**Bài 6: THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và kết hợp chỉ trên bản đồ, lược đồ vị trí địa lí và ranh giới của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự chủ thực hiện sử dụng một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.

     - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong hoạt động nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi trong các hoạt động thảo luận.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | | | |
| - GV giáo viên cho HS đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi ở phần khởi động trang 30 SGK:  + Em hãy cho biết những cảnh vật nào được nhắc đến trong đoạn thơ?    + Theo em, những cảnh vật đó có ở vùng đất nào của nước ta?  + Dựa vào nơi em đang ở cũng thuộc vùng đất đó em có thể nêu một số nét đặc trưng về thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ mà em biết?  - GV nhận xét, biểu dương HS dẫn vào bài mới: Bờ đê sông Hồng, mùa đông, nước đỏ phù sa, ruộng xanh sắc mạ,... Đó là một số cảnh tiêu biểu của vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Hôm nay cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về vung đất này thông qua bài học: THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ(T1) | | - HS quan sát tivi chiếu nôi dung đoạn thơ SGK và trả lời một số câu hỏi    + Đoạn thơ nhắc đến cảnh vật: Bờ đê sông Hồng, mùa đông, nước đỏ phù sa, ruộng xanh sắc mạ,...  + Đây là cảnh đặc trưng của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.  + Một số nét đặc trưng về thiên nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ: mùa đông, hoa đào, bụi tre, quả vải, quả khế, …. | |
| **2. Khám phá***:* | | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.**  - GV cho HS thực hiện theo cặp để thực hiện câu hỏi của mục 1 trong SGK:  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1 SGK kết hợp quan sát hình GV phóng to chiếu trên tivi em hãy lên chỉ ranh giới của vùng Đồng bằng Bắc Bộ?  + Cho biết vùng Đồng bằng Bắc Bộ tiếp giáp với những vùng nào? Vịnh biển nào?  - GV mời 1 vài HS đại diện lên bảng chỉ ranh giới vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên tivi.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV chốt kiến thức: Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dạng hình tam giác, tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ. | - HS quan sát lược đồ và tivi nghe GV nêu yêu cầu.  - HS thảo luận cặp đôi. Cùng đọc thông tin và trả lời các câu hỏi.    - HS đại diện trình bày trước lớp.  - HS còn lại lắng nghe, rút ra nhận xét.  - HS lắng nghe GV kết luận. | | |
| **3. Luyện tập** | | | |
| **Hoạt động 2: Xác định vị trí địa lí của Đồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng, sông Thái Bình trên bản đồ tự nhiên  (Sinh hoạt nhóm 6)**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu câu hỏi 1 SGK / T34.  - Mời cả lớp sinh hoạt nhóm 6, cùng nhau thảo luận và thực hiện  nhiệm vụ sau:  + Chỉ trên bản đồ vị trí địa lí củaĐồng bằng Bắc Bộ, sông Hồng, sông Thái Bình?  - GV mời đại diện các nhóm lên bảng lớp chỉ trực tiếp.  - GV mời cả lớp cùng quan sát và đánh giá kết quả.  - GV nhận xét tuyên dương | | - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Cả lớp sinh hoạt nhóm 6, cùng nhau thảo luận.  - Đại diện các nhóm lên chỉ trực tiếp trên bản đồ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm | |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - GV hệ thống lại nội dung kiến thức bài dạy.  - GV nhận xét giờ học, dặn dò HS chuẩn bị cho tiết sau. | | | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | | | |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**CHỦ ĐỀ: LÀM VIỆC KHOA HỌC**

**SHL: NHẬT KÍ CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Chia sẻ được nhật kí thực hiện công việc hằng ngày theo kế hoạch đã xây dựng

- Có ý thức và trách nhiệm thực hiện các công việc trong ngày theo kế hoạch

- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Tự chia sẻ được nhất kí của mình

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sáng tạo trong các hoạt động

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết hợp tác với bạn trong việc thực hiện công việc chung của tổ.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Tôn trọng, yêu quý và lắng nghe bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có tinh thần chăm chỉ để hoàn thành nhật kí hoạt động.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức với lớp, tôn trọng nền nếp, nội quy lớp học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** | |
| - GV cho HS chơi trò chơi “ Ghép đúng” bằng cách nêu các hoạt động hàng ngày của bản thân trong một ngày, sau đó HS khác nêu thời gian thích hợp với hoạt động đó.  - GV cho HS chơi  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS nghe phổ biến luật chơi  - HS chơi |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:* | |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)**  **-** GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần:  + Sinh hoạt nền nếp.  + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức.  ...  - GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)  **\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)**  **-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.  + Thực hiện nền nếp trong tuần.  + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ.  + Thực hiện các hoạt động các phong trào. | - Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.  - Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.  - Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung.  - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.  - HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.** | |
| **Hoạt động 3: Chia sẻ nhật kí thực hiện các hoạt động trong ngày.**  ***1. Tổ chức thực hiện: Làm việc nhóm***  - GV tổ chức cho HS chia sẻ nhật kí của mình ghi lại việc thực hiện các hoạt động trong ngày với các bạn trong nhóm và có thể sắp xếp lại cho khoa học, hợp lí.  ***2. Tổ chức trình bày: Làm việc các nhân*** | - HS thảo luận nhóm, các bạn góp ý cho nhật kí của bạn.  -HS lắng nghe, điều chỉnh theo góp ý của các bạn và GV |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** | |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà cùng với người thân:  + Chia sẻ những thành quả đã cùng bạn thực hiện được.  + Chia sẻ những công việc hàng ngày mình đã thực hiện được và chưa thực hiện được để rút kinh nghiệm cho bản thân.  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà chia sẻ với các thành viên trong gia đình.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**QUYỀN VÀ BỔN PHẬN CỦA TRẺ EM**

**Chủ đề 4**

**Trường học**

***Nơi em học tập, vui chơi và giúp trưởng thành.***

***Nhiệm vụ của em ở trường học***

**I . YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1 . Kiến thức:

- HS hiểu được đi học là một quyền lợi và trách nhiệm của trẻ em.

- HS hiểu các hoạt động ở nhà trường là nhằm giúp các em trưởng thành, do đó các em phải có bổn phận chăm học, vâng lời dạy bảo của thầy cô giáo.

2. Phẩm chất:

- HS có thái độ yêu quí bạn bè, kính trọng thầy, cô giáo.

3. Năng lực:

- HS biết cách chào hỏi thầy, cô giáo, biết cách giao tiếp với bạn bè.

- HS biết giữ trật tự, biết giữ gìn vệ sinh trong lớp, trong trường.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Tranh ảnh trường Tiểu học( quang cảnh chung, cảnh lớp học, cảnh HS vui chơi…)

**III . HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| 1. **Giới thiệu chủ đề:**   -Cho HS hát bài: “ Em yêu trường em” và “ Đi học vui”  GV giới thiệu và viết lên bảng: Chủ đề Trường học.   1. **Hoạt động 2 – Kể chuyện : Bé Nam không muốn học**   - Gọi HS đóng vai diễn lại truyện  GV cho HS thảo luận :  - Vì sao bạn Nam đói bụng mà lại vào cửa hiệu bán thuốc?  - Vì sao bạn Nam không giúp được cụ già ?  - Vì sao bạn Nam thay đổi thái độ, muốn đến trường học ?  **3. Hoạt động 2 : Thảo luận qua tranh (ảnh ) về nhà trường.**  GV treo tranh YC học sinh quan sát các hoạ động của trường.  - Vì sao mọi trẻ em đều phải đến trường học ?  - ở trường các em làm những việc gì ? Ai dạy  KL: Đi học vừa là quyền lợi và cũng là nhiệm vụ của trẻ em. Trường học là nơi học tập, vui chơi và rèn luyện của trẻ em.  **4. Hoạt động 3 : Trò chơi vẽ tranh về chủ đề trường em.**  - Gv cho Hs ra sân, chia nhóm và YC Hs tự vẽ cảnh hoặc người theo ý nghĩ của em về trường em.  - GV nhận xét.  ***KL: \* Bổn phận của trẻ em là phải đi học, chăm học, hăng hái tham gia các hoạt động ở trường, phải vâng lời thầy cô giáo.***  **IV. Vận dụng, mở rộng:**  GV nhắc lai nội dung bài học.  Cho cả lớp cùng hát bài : Đi học vui.  Dặn HS ghi nhớ bài học. | HS hát 2 bài hát.   * 1HS dẫn truyện, HS đóng vai: Nam, người bán hàng, cụ già,các bạn của Nam… * Cả lớp theo dõi nội dung câu chuyện.   - Vì bạn Nam không biết đọc nên vào nhầm cửa hiệu bán thuốc.  - Bạn Nam không giúp được cụ già vì bạn Nam không đọc được.  - Bạn Nam thay đổi thái độ, muốn đến trường học vì Nam hiểu rằng không biết chữ thì không làm được việc gì…  HS quan sát và trả lời câu hỏi  - Đến trường để học chữ học tính toán…được vui chơi và tham gia các hoạt động khác…  - ở trường en học tập và vui chơi…Thầy, cô giáo là người dạy bảo  - HS lắng nghe.   * HS chia 4 nhóm, nhận giấy, bút và vẽ tranh. * HS giới thiệu tranh. * HS lắng nghe và nhắc lại .   - Cả lớp cùng hát. |

|  |  |
| --- | --- |
| **DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU** | **DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG** |
|  |  |